

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~577~~ /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 2856 ...
	Ngày: ... 12/4 ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2011/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội khóa XIII về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường tại các khu kinh tế, làng nghề; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường (BVMT) làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường mạnh mẽ công tác BVMT trong quản lý và phát triển làng nghề trên phạm vi toàn quốc, ngăn chặn việc phát sinh các làng nghề ô nhiễm môi trường mới; từng bước khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn một cách bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2015

- Cơ bản hoàn thiện các công cụ chính sách, pháp luật cho công tác quản lý và BVMT làng nghề, đặc biệt là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho làng nghề truyền thống.

- Phân công, phân cấp cụ thể về trách nhiệm quản lý làng nghề và các cơ sở sản xuất trong làng nghề giữa các Bộ, ngành và chính quyền địa phương để triển khai, phối hợp đồng bộ, hiệu quả.

- Quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương thông tin về số lượng và hiện trạng sản xuất, hiện trạng môi trường các làng nghề được công nhận, làng nghề chưa được công nhận và làng nghề truyền thống; đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, theo dõi thường xuyên, liên tục chất lượng môi trường tại các làng nghề hiện đang ô nhiễm, công khai danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường.

- Quản lý chặt chẽ việc công nhận làng nghề gắn với các điều kiện về BVMT; hoàn thành việc rà soát lại danh mục làng nghề đã được công nhận, bảo đảm 100% làng nghề được công nhận đáp ứng đầy đủ các điều kiện về BVMT; hoàn thành việc phân loại các hộ, cơ sở sản xuất (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất) trong làng nghề theo loại hình sản xuất và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân đầu 100% các cơ sở sản xuất thuộc nhóm tái chế giấy, tái chế kim loại, tái chế nhựa, nhuộm, giết mổ gia súc, chế biến thủy sản và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoạt động trong các làng nghề chưa được công nhận được thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, khắc phục hậu quả hoặc lập kế hoạch di dời vào khu, cụm công nghiệp làng nghề hay chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

- Hoàn thành việc đánh giá, rà soát sự tuân thủ các quy định về BVMT đối với các khu, cụm công nghiệp làng nghề để đề xuất nâng cấp, điều chỉnh và bổ sung các khu, cụm công nghiệp làng nghề.

- Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao tại khu vực dân cư nông thôn.

- Xây dựng, triển khai áp dụng thử nghiệm một số mô hình làng nghề thủ công truyền thống điển hình, sản phẩm gắn với bản sắc văn hóa dân tộc và làng nghề phục vụ du lịch; một số khu, cụm công nghiệp làng nghề điển hình đảm bảo các điều kiện về BVMT để nhân rộng ra các địa phương có loại hình làng nghề tương tự.

- Xử lý triệt để ô nhiễm tại 47 làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng theo Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015. Danh mục 47 làng nghề này do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố.

b) Mục tiêu đến năm 2020

- Công khai và cập nhật thường xuyên danh sách, thông tin về thực trạng các làng nghề được công nhận, làng nghề chưa được công nhận và làng nghề truyền thống trên phạm vi toàn quốc.

- Quản lý chặt chẽ công tác BVMT tại các làng nghề, cơ bản kiểm soát được tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề; không phát sinh làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới.

- 100% các cơ sở sản xuất còn tồn tại trong các làng nghề chưa được công nhận có biện pháp xử lý chất thải theo quy định hoặc lập kế hoạch và di dời vào khu, cụm công nghiệp làng nghề hay chấm dứt hoạt động.

- Di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất thuộc nhóm tái chế giấy, tái chế kim loại, tái chế nhựa, nhuộm, giết mổ gia súc và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoạt động trong khu dân cư vào khu, cụm công nghiệp làng nghề.

- 100% các khu, cụm công nghiệp làng nghề tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về BVMT.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ chính sách, pháp luật đặc thù cho công tác BVMT cho làng nghề và chính sách, pháp luật về phát triển làng nghề gắn với BVMT.

- Triển khai thường xuyên, liên tục các công cụ quản lý môi trường làng nghề, đặc biệt là công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất tại các làng nghề chưa được công nhận.

- Tiếp tục phối hợp đồng bộ, có hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý môi trường làng nghề từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt ở cấp huyện và cấp xã.

- Đảm bảo nguồn kinh phí thường xuyên đáp ứng yêu cầu của công tác BVMT làng nghề.

- Tiếp tục xử lý ô nhiễm tại 57 làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định.

- Triển khai nhân rộng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên phạm vi cả nước.

c) Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục phát triển làng nghề theo định hướng bảo tồn làng nghề truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc; bảo đảm 100% các làng nghề trên phạm vi toàn quốc được công nhận, thống nhất quản lý và tuân thủ đầy đủ các điều kiện về BVMT.

- Khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về BVMT làng nghề để triển khai đồng bộ và hiệu quả.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về BVMT làng nghề

a) Ban hành Quy chế quản lý làng nghề và các văn bản có liên quan nhằm phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, trách nhiệm cụ thể của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, cấp huyện và đặc biệt là cấp xã trong quản lý làng nghề, các đối tượng sản xuất trong làng nghề nói chung và BVMT làng nghề nói riêng.

b) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về phát triển ngành nghề nông thôn, chú trọng những nội dung về BVMT. Hoàn thiện hệ thống tiêu chí công nhận làng nghề đã ban hành, theo đó những yêu cầu về xử lý chất thải và BVMT là điều kiện bắt buộc khi xem xét, công nhận làng nghề. Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí “làng nghề xanh” gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển du lịch.

c) Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tại các làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận phát triển gắn với hoạt động du lịch; về vay vốn ưu đãi để chuyển đổi công nghệ sản xuất; đào tạo nhân lực, mặt bằng sản xuất,... theo hướng thân thiện với môi trường, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, các công nghệ phù hợp để xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn tại các làng nghề.

d) Xây dựng, ban hành cơ chế hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các làng nghề được công nhận, đặc biệt là đối với các làng nghề truyền thống theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 19/2011/QH13 của Quốc hội.

đ) Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về BVMT phù hợp với đặc thù của làng nghề, năng lực của các cơ sở sản xuất trong làng nghề: Quy định về BVMT làng nghề; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường; phí BVMT đối với chất thải; hướng dẫn kỹ thuật áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn và xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề, khu, cụm công nghiệp làng nghề.

2. Thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý môi trường

a) Tổ chức điều tra, thống kê, kiểm kê, phân loại làng nghề và các cơ sở sản xuất trong làng nghề theo loại hình sản xuất và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các làng nghề được công nhận, làng nghề chưa được công nhận và làng nghề truyền thống; mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề trên phạm vi toàn quốc.

b) Lập quy hoạch tổng thể quản lý và phát triển làng nghề trên toàn quốc theo tính truyền thống, vùng nguyên liệu sản xuất, bản sắc văn hóa dân tộc,... gắn với các quy định về BVMT để triển khai có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề.

c) Tổ chức quản lý chặt chẽ việc hình thành làng nghề mới, việc công nhận mới các làng nghề và tập trung rà soát danh mục các làng nghề đã được công nhận bảo đảm các điều kiện về BVMT. Đối với các làng nghề đã được công nhận nhưng chưa đáp ứng các điều kiện về BVMT, cần lập kế hoạch

khắc phục với lộ trình cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

d) Tổ chức kiểm tra, rà soát việc tuân thủ các quy định về BVMT đối với toàn bộ các khu, cụm công nghiệp làng nghề; đề xuất và triển khai nâng cấp, điều chỉnh và bổ sung các khu, cụm công nghiệp làng nghề bảo đảm các quy định về BVMT để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

đ) Tổ chức triển khai quyết liệt công tác thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án BVMT chi tiết hoặc đăng ký, xác nhận Bản cam kết BVMT, Đề án BVMT đơn giản và giám sát việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

e) Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề, đặc biệt tập trung vào các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, hoặc các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và các làng nghề chưa được công nhận.

g) Triển khai công tác thu phí BVMT đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn đối với toàn bộ các cơ sở sản xuất trong làng nghề theo quy định.

h) Lập kế hoạch và theo dõi, giám sát, công khai thông tin về chất lượng môi trường tại các làng nghề, theo dõi thường xuyên, liên tục đối với các làng nghề hiện đang ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

i) Khuyến khích các làng nghề xây dựng Hương ước, Quy ước về BVMT hoặc Hương ước, Quy ước trong đó có nội dung về BVMT.

3. Triển khai các mô hình công nghệ, các biện pháp kỹ thuật nhằm định hướng cho việc xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên quy mô toàn quốc

a) Lựa chọn, xây dựng và áp dụng thử nghiệm 06 mô hình làng nghề truyền thống gắn với du lịch thực hiện tốt các quy định về BVMT (02 mô hình làng nghề thủ công mỹ nghệ, 02 mô hình làng nghề dệt nhuộm,繻 tơ và 02 mô hình làng nghề sản xuất đồ gốm sứ) để đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi phổ biến, nhân rộng ra các địa phương có các loại hình làng nghề tương tự.

b) Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng BVMT làng nghề như hệ thống tiêu thoát nước; các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn (lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

c) Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các làng nghề được công nhận, ưu tiên đầu tư cho các làng nghề truyền thống.

d) Thực hiện thí điểm xây dựng 03 mô hình khu, cụm công nghiệp làng nghề để di dời các công đoạn, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; đánh

giá, rút kinh nghiệm trước khi phổ biến, nhân rộng ra các địa phương có các loại hình làng nghề tương tự.

đ) Giai đoạn từ nay đến hết năm 2015 tập trung xử lý ô nhiễm tại 47 làng nghề hiện đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, trong đó có 12 làng nghề thuộc Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ (lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015).

Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục xử lý triệt để ô nhiễm tại 57 làng nghề bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4. Tăng cường công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao năng lực BVMT làng nghề

a) Hình thành, phát triển và duy trì hoạt động của các tổ chức ngành nghề thủ công, mở rộng mạng lưới Hiệp hội làng nghề Việt Nam đến các xã có làng nghề. Xây dựng mô hình Hợp tác xã, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... tham gia BVMT làng nghề.

b) Tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo, tập huấn về quản lý môi trường làng nghề cho cán bộ các cấp làm công tác quản lý môi trường làng nghề; các khóa đào tạo, tập huấn về xử lý chất thải và BVMT cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong làng nghề.

c) Tăng cường phổ biến thông tin cho cộng đồng về BVMT làng nghề; tổ chức tọa đàm định kỳ; tổ chức diễn đàn các nhà báo, triển lãm giới thiệu công nghệ thân thiện môi trường, phổ biến các sáng kiến, mô hình BVMT phù hợp với sản xuất làng nghề.

d) Xây dựng chuyên mục thông tin thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng về BVMT làng nghề.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

a) Giai đoạn 2013 - 2015 cần tập trung xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về quản lý, phát triển làng nghề gắn với BVMT. Xây dựng các văn bản, chính sách về BVMT làng nghề theo nguyên tắc phù hợp với trình độ nhận thức, hài hòa với phong tục, tập quán sản xuất của người dân nông thôn và phù hợp với năng lực tài chính; đặc biệt chú trọng các chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa công tác BVMT làng nghề.

b) Tăng cường trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý nhà nước đối với làng nghề và các đối tượng sản xuất thủ công nghiệp trong khu vực dân cư nông thôn; hướng dẫn, tổ chức thực hiện, theo dõi việc thực hiện các biện pháp sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải

phát sinh từ sản xuất tiêu thủ công nghiệp và đáp ứng quy định của pháp luật về BVMT.

c) Ngành Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các cụm, điểm công nghiệp tập trung.

d) Ngành Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với làng nghề; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục về môi trường; theo dõi và xác định các làng nghề ô nhiễm và đề xuất phương án xử lý; tổ chức thu phí về BVMT; kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và xử lý vi phạm về BVMT tại làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề.

đ) Ngành Công an có trách nhiệm điều tra, phát hiện, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tội phạm về BVMT tại các làng nghề.

e) Ngành Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý các công nghệ sản xuất nhằm hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề và khu vực dân cư nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quy hoạch, phát triển và BVMT làng nghề, quản lý các khu, cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn bảo đảm tuân thủ các điều kiện, yêu cầu về BVMT; bố trí nguồn lực cần thiết và chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ về BVMT làng nghề của UBND cấp huyện, đặc biệt là UBND cấp xã. Tại các xã, phường và thị trấn có làng nghề (bao gồm cả làng nghề được công nhận và làng nghề chưa được công nhận) phải bố trí cán bộ chuyên trách quản lý môi trường làng nghề để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giám sát các cơ sở sản xuất tuân thủ quy định của pháp luật về BVMT.

Nghiên cứu, xây dựng mô hình quản lý môi trường làng nghề theo nguyên tắc gọn nhẹ và hiệu quả; thí điểm hình thành các tổ tự quản về BVMT tại làng nghề do UBND cấp xã thành lập và ban hành quy chế hoạt động, kinh phí một phần do ngân sách xã đảm bảo, phần còn lại do các cơ sở sản xuất đóng góp.

2. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng đối với công tác BVMT làng nghề, trong giai đoạn hiện nay, giải pháp này cần được tăng cường và duy trì thường xuyên, liên tục, bao gồm các nội dung:

a) Tăng cường giáo dục và tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác BVMT. Tạo cơ chế khuyến khích cộng đồng làng

nghề tham gia phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường nói chung và đóng góp, ủng hộ việc triển khai thực hiện Đề án.

b) Công bố danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến, tuyên truyền các mô hình làng nghề thực hiện tốt công tác BVMT.

c) Giao trách nhiệm cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các đoàn thể xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác BVMT làng nghề.

d) Có kế hoạch và phân công cụ thể để tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức nhận thức BVMT cho các cán bộ quản lý môi trường làng nghề, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội và cộng đồng làng nghề.

3. Triển khai xây dựng, thực hiện quy hoạch, di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất

a) Quy hoạch lại sản xuất

Tùy đặc điểm hình thành và phát triển của các làng nghề, các địa phương xem xét và lựa chọn phương thức quy hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình, có thể áp dụng một trong ba phương thức sau:

- Quy hoạch tập trung theo khu, cụm công nghiệp làng nghề: Quy hoạch cơ sở hạ tầng đồng bộ bao gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom và xử lý chất thải. Quy hoạch khu sản xuất phù hợp với đặc thù loại hình làng nghề. Hình thức quy hoạch này thường được áp dụng đối với các làng nghề có cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, không được phép thành lập mới trong khu dân cư.

- Quy hoạch phân tán (quy hoạch sản xuất ngay tại hộ gia đình): Với loại hình quy hoạch này cần phải tổ chức bố trí không gian nhằm cải thiện điều kiện sản xuất và vệ sinh môi trường mà không cần phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nới, xây nhà cao tầng... lưu giữ nét cổ truyền, văn hóa của làng nghề để kết hợp với phát triển du lịch. Quy hoạch này thường được áp dụng đối với các làng nghề có cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thấp, được phép hoạt động trong khu dân cư.

- Quy hoạch phân tán kết hợp tập trung: Di dời các công đoạn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như công đoạn tủy, nhuộm (làng nghề dệt nhuộm), công đoạn mạ (làng nghề cơ khí)... vào khu, cụm công nghiệp làng nghề. Quy hoạch này thường được áp dụng đối với các làng nghề có cơ sở thuộc loại hình sản xuất có một hoặc một số công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, không được phép thành lập mới trong khu dân cư.

b) Chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời vào khu, cụm công nghiệp tập trung

Lập danh mục các làng nghề cần có lộ trình chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời, trước mắt tập trung vào nhóm loại hình tái chế giấy, tái chế nhựa, tái chế kim loại, nhuộm, giết mổ gia súc và làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất với lộ trình phù hợp.

Đối với các làng nghề hoặc cơ sở sản xuất trong làng nghề cần chuyển đổi ngành nghề sản xuất, địa phương phải lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để nghiên cứu, định hướng ngành nghề chuyển đổi và tổ chức các khóa đào tạo nghề phục vụ cho việc chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

Các làng nghề hoặc các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư nông thôn cần di dời vào khu, cụm công nghiệp làng nghề được hưởng các chính sách ưu đãi như miễn giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất... và phải tuân thủ các quy định BVMT đối với khu, cụm công nghiệp tập trung.

4. Giải pháp về tài chính

a) Nhằm tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc phân bổ, quản lý sử dụng ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn đầu tư khác cho công tác BVMT, khắc phục, xử lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề. Tại các địa phương có làng nghề, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phân bổ không dưới 10% tổng kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác BVMT làng nghề.

b) Tổng kinh phí thực hiện Đề án được xác định trên cơ sở kinh phí của từng đề tài, dự án, nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách, lập dự toán kinh phí thực hiện theo tính chất từng nhiệm vụ bố trí từ ngân sách nhà nước: Chi thường xuyên (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp môi trường, chi quản lý hành chính); vốn đầu tư; vốn chương trình mục tiêu quốc gia; tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

c) Nguồn vốn thực hiện Đề án, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước (bao gồm cả ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn ODA) theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.
- Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành.
- Nguồn vốn đóng góp từ các cơ sở sản xuất trong làng nghề.
- Nguồn vốn khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và tăng cường hợp tác quốc tế

a) Tăng cường kiểm soát công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu tại các làng nghề ô nhiễm môi trường hiện nay.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ xử lý chất thải cho các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ theo hướng vận hành đơn giản, ổn định, tiết kiệm chi phí và xử lý ô nhiễm môi trường đạt hiệu quả.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để đổi mới công nghệ sản xuất; nghiên cứu, ứng dụng nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, mô hình, phương thức sản xuất thân thiện với môi trường.

6. Thực hiện lồng ghép Đề án BVMT làng nghề vào các chương trình, đề án có liên quan

Thực hiện gắn kết Đề án này vào quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường để xử lý 47 làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2012 - 2015; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề sản xuất và xây dựng, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng BVMT làng nghề như hệ thống tiêu thoát nước, các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; ban hành Danh mục làng nghề ô nhiễm môi trường cần xử lý giai đoạn 2013 - 2015 và 2016 - 2020; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai thực hiện Đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề vay vốn ưu đãi để thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, các công nghệ phù hợp để xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn và chất thải rắn.

4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản quy định về phân công trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương trong quản lý làng nghề, quản lý các đối tượng sản xuất trong làng nghề và BVMT làng nghề; hướng dẫn bổ sung cán bộ chuyên trách quản lý môi trường đối với Ủy ban nhân dân cấp xã có làng nghề.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản, chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn đáp ứng các quy định về BVMT làng nghề; lập danh mục và quản lý các làng nghề truyền thống cần được bảo tồn hoặc gắn với phát triển du lịch, làng nghề được công nhận và làng nghề chưa được công nhận trên phạm vi toàn quốc; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát triển dịch vụ du lịch.

6. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện công tác BVMT trong triển khai chính sách khuyến công; quản lý các khu, cụm công nghiệp làng nghề đảm bảo các quy định về BVMT, đáp ứng việc di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải phù hợp với làng nghề.

8. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường điều tra, phát hiện, ngăn ngừa và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT tại các làng nghề, tập trung vào các ngành nghề tái chế giấy, tái chế nhựa, tái chế kim loại, nhuộm, giết mổ gia súc, chế biến thủy sản và các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khác.

9. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn, cụ thể như sau:

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành trong công tác phân loại, đánh giá mức độ ô nhiễm và xây dựng kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề của địa phương; quản lý việc công nhận làng nghề bảo đảm các điều kiện về BVMT, rà soát Danh sách làng nghề đã được công nhận, chú trọng đến các tiêu chí về BVMT; đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề;

b) Chỉ đạo UBND cấp huyện trong công tác quy hoạch hoặc rà soát lại quy hoạch các khu, cụm công nghiệp làng nghề để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư; điều tra, thống kê, lập danh mục loại hình hoạt động của các cơ sở trong làng nghề theo nguy cơ gây ô nhiễm; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác BVMT của các cơ sở sản xuất; xây dựng, trình kế hoạch BVMT làng nghề và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo công tác BVMT làng nghề của các cơ sở sản xuất trên địa bàn; không cho phép thành lập mới các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong khu vực dân cư và thực hiện biện pháp xử lý đối với các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đang hoạt động trong khu vực dân cư; đôn đốc việc xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường làng nghề hoặc hương ước, quy ước làng nghề có nội dung về bảo vệ môi trường; bố trí cán bộ thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề; tổ chức

quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định khi được bàn giao, tiếp nhận, quản lý các dự án, công trình thuộc kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề; ban hành quy chế hoạt động và tạo điều kiện để tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả; huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy tu và cải tạo các công trình thuộc kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn; công bố các thông tin về hiện trạng môi trường, công tác BVMT làng nghề trên các phương tiện thông tin của địa phương, thông qua các đoàn thể và cộng đồng dân cư, trong các cuộc họp HĐND, UBND cấp xã.

10. Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án BVMT làng nghề thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

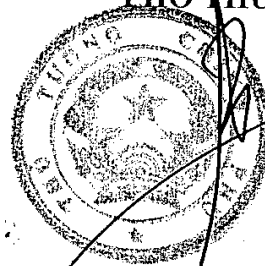
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ, Cục, Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).N. 440

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải